

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lạc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Bùi Quang Bách	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Số: 2420/2011/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.144.384.167	381.799.597.679
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.302.559.018	44.546.389.127
1. Tiền	111		23.302.559.018	36.030.389.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.516.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	850.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	850.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.474.195.094	211.561.377.567
1. Phải thu khách hàng	131		140.996.435.291	188.527.146.180
2. Trả trước cho người bán	132		10.902.544.010	12.325.637.425
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	9.712.838.630	10.846.216.799
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(137.622.837)	(137.622.837)
IV. Hàng tồn kho	140		132.188.214.239	100.197.112.967
1. Hàng tồn kho	141	V.4	132.188.214.239	100.197.112.967
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.179.415.816	24.644.718.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.235.443.813	458.255.530
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.481.401.222	2.242.007.609
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	26.462.570.781	21.944.454.879
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.842.786.986	190.955.455.231
II. Tài sản cố định	220		73.653.451.527	91.341.997.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	24.987.059.893	24.009.291.306
- Nguyên giá	222		40.321.883.589	37.055.851.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.334.823.696)	(13.046.560.632)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	24.964.524	8.465.273
- Nguyên giá	228		83.727.720	62.927.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.763.196)	(54.462.447)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	48.641.427.110	67.324.240.955
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		96.769.501.611	51.191.723.833
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	11.525.000.000	11.525.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	84.544.501.611	30.736.160.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	700.000.000	8.930.563.833
V. Tài sản dài hạn khác	260		42.419.833.848	48.421.733.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	42.284.393.568	48.397.947.864
3. Tài sản dài hạn khác	268		135.440.280	23.786.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		559.987.171.153	572.755.052.910

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		401.694.040.004	409.268.194.176
I. Nợ ngắn hạn	310		398.705.647.461	407.667.463.033
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	138.533.582.308	113.787.289.087
2. Phải trả người bán	312		85.010.595.179	105.441.319.150
3. Người mua trả tiền trước	313		107.400.789.612	59.978.640.161
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	10.945.324.382	10.639.208.207
5. Phải trả người lao động	315		1.919.040.922	2.390.396.339
6. Chi phí phải trả	316	V.15	1.677.116.080	1.205.136.625
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	50.851.116.252	112.970.355.829
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.368.082.726	1.255.117.635
II. Nợ dài hạn	330		2.988.392.543	1.600.731.143
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	2.853.855.800	1.460.870.900
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		134.536.743	139.860.243
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.293.131.149	163.486.858.734
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	158.293.131.149	163.486.858.734
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	37.234.865.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.573.493.594	1.573.493.594
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(1.554.267.370)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.921.154.201	1.921.154.201
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.841.753.778	2.841.753.778
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.356.131.446	21.469.859.031
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		559.987.171.153	572.755.052.910

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	295.921.255.315	242.022.156.549
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	295.921.255.315	242.022.156.549
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	276.140.167.932	231.270.888.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.781.087.383	10.751.268.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	1.550.859.893	508.269.094
7. Chi phí tài chính	22	VL4	7.318.879.860	1.142.733.577
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.250.461.793	871.007.852
8. Chi phí bán hàng	24		1.245.286.679	290.453.515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.018.635.947	5.440.026.073
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.749.144.790	4.386.324.099
11. Thu nhập khác	31	VL5	3.293.341.804	75.880.099.164
12. Chi phí khác	32	VL6	3.006.472.586	73.368.775.624
13. Lợi nhuận khác	40		286.869.218	2.511.323.540
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VL7	5.036.014.008	6.897.647.639
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL7	1.195.753.502	1.726.324.719
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.840.260.506	5.171.322.920
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	388	1.710

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	423.616.694.940	294.033.539.842
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(281.768.037.472)	(222.363.204.624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.576.524.768)	(6.287.930.035)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(11.003.597.829)	(5.520.553.146)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(990.772.458)	(1.246.967.457)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	71.742.765.184	62.896.319.285
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(179.999.792.129)	(136.692.108.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.020.735.468	(15.180.904.379)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.872.536.830)	(10.190.139.347)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.928.062.650)	(14.321.005.412)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	13.172.972.189	10.954.848.333
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.500.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.116.768.493	470.392.810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.010.858.798)	(13.085.903.616)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	920.000.000	12.956.500.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	141.407.372.133	122.056.258.845
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(117.145.078.912)	(107.717.545.305)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.920.000.000)	(4.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.262.293.221	22.795.213.540
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.727.830.109)	(5.471.594.455)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	36.030.389.127	49.943.679.362
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.302.559.018	44.472.084.907

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kê toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn), tổng số cổ phần tương ứng là 10.000.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 03 công ty con, 02 công ty liên doanh và 01 công ty liên kết. Cụ thể bao gồm:

Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Miền Nam tại P2006 Lô A, tòa nhà 21 tầng Trung tâm Thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Thăng Long tại tầng 3 tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

Công ty liên doanh

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Sinh viên Vistco

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 208 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp...).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm Báo cáo của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty (Chi nhánh Miền nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Thăng Long) và không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết của Công ty. Giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong một báo cáo khác.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phân sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi được trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí mua quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là “Liên doanh”) được phân bổ vào khoản mục “Hàng hóa bất động sản” (giá mua các sản phẩm của dự án từ Liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà Liên doanh đã bán cho Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.089.109.938	19.655.224.220
Tiền gửi ngân hàng	22.213.449.080	16.375.164.907
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	-	8.516.000.000
Cộng	23.302.559.018	44.546.389.127

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 02 tuần tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô.

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	850.000.000
Cộng	-	850.000.000

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác (*)	9.712.838.630	10.846.216.799
- Các cá nhân	7.362.038.613	5.575.834.848
- Công ty Cổ phần Kiến trúc Phục Hưng	4.290.103	15.045.659
- Phải thu khác của Công ty con	2.346.509.914	5.255.336.292
Cộng	9.712.838.630	10.846.216.799

(*) Công ty cho các cá nhân vay và Công ty ứng vốn cho các Công ty con của Công ty với thời hạn dưới 1 năm. Công ty tính và thu lãi từ các khoản phải thu khác này với lãi suất từ 15% đến 18%/năm.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	389.975.137	420.196.420
Công cụ, dụng cụ	68.594.396	28.469.549
Chi phí SXKD dở dang	93.597.479.898	81.724.590.221
Thành phẩm	254.771.544	254.771.544
Hàng hóa	37.877.393.264	17.769.085.233
Cộng	132.188.214.239	100.197.112.967

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	25.863.687.781	21.345.555.379
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	598.883.000	598.899.500
Cộng	26.462.570.781	21.944.454.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	25.279.152.246	10.236.133.721	1.250.685.186	289.880.785	37.055.851.938
Mua trong kỳ	2.985.173.230	-	298.150.992	-	3.283.324.222
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.292.571)	-	(17.292.571)
Tại ngày 30/06/2011	28.264.325.476	10.236.133.721	1.531.543.607	289.880.785	40.321.883.589
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	8.329.209.239	3.616.451.291	898.913.002	201.987.100	13.046.560.632
Khấu hao trong kỳ	1.566.225.147	452.051.498	272.790.234	5.362.123	2.296.429.002
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.165.938)	-	(8.165.938)
Tại ngày 30/06/2011	9.895.434.386	4.068.502.789	1.163.537.298	207.349.223	15.334.823.696
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	16.949.943.007	6.619.682.430	351.772.184	87.893.685	24.009.291.306
Tại ngày 30/06/2011	18.368.891.090	6.167.630.932	368.006.309	82.531.562	24.987.059.893

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty với giá trị là 4.888.919.265 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.169.748.088 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	52.927.720	10.000.000	62.927.720
Mua trong kỳ	20.800.000	-	20.800.000
Tại ngày 30/06/2011	73.727.720	10.000.000	83.727.720
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	44.462.447	10.000.000	54.462.447
Khấu hao trong kỳ	4.300.749	-	4.300.749
Tại ngày 30/06/2011	48.763.196	10.000.000	58.763.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	8.465.273	-	8.465.273
Tại ngày 30/06/2011	24.964.524	-	24.964.524

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Dự án thép Bim Sơn	1.144.867.749	1.053.328.513
- Dự án Nhà liền kề 7 Bim Sơn - Thanh Hóa	528.215.270	528.215.270
- Dự án Phục Hưng Tower	18.666.427.607	17.469.368.738
- Dự án Tân Thành (khu 23 ha)	933.581.487	826.861.017
- Dự án Đồi Ngọc Tước (thửa đất 23,4 P8, TP Vũng Tàu)	2.220.042.222	26.307.683.631
- Dự án Nhà máy bóng đèn chiếu sáng VIETVEN - tại Venezuela	502.658.139	502.658.139
- Dự án khai thác mỏ đá tại Hòa Bình	107.927.347	84.427.347
- Dự án đất Long Toàn - Bà Rịa	10.803.548.388	9.785.605.734
- Dự án đất Phước Hưng - Bà Rịa	10.457.601.285	7.559.699.653
- Dự án X3 Mỹ Đình	3.276.557.616	3.206.392.913
Cộng	48.641.427.110	67.324.240.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Đầu tư vào công ty con

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2011	Hoạt động chính
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi,...
2.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng.

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của công ty này. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

Công ty con	Tại ngày 30/06/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000	3.025.000.000	275.000	3.025.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
Cộng		11.525.000.000		11.525.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2009, Công ty đồng ý mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 5 tháng 11 năm 2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền là 30.736.160.000 đồng vào khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh”. Phần còn lại Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (Thuyết minh số V.12).

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết như sau:

Nội dung đầu tư	Tại ngày 30/06/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Vietel Hancic		30.736.160.000		30.736.160.000
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên Vistco	1.045.834	11.808.341.611	-	-
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	2.100.000	42.000.000.000	-	-
Cộng		84.544.501.611		30.736.160.000

11. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung đầu tư	Tại ngày 30/06/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên Vistco		-	688.056	8.230.563.833
Cộng		700.000.000		8.930.563.833

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	9.422.788.884	4.715.198.037
Chi phí thuê văn phòng HH2	3.007.951.726	3.042.659.908
- Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh (*)	29.853.652.958	40.640.089.919
Cộng	42.284.393.568	48.397.947.864

(*)Chi phí để có quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô	90.207.434.579	101.777.962.895
+ <i>Bảng Việt Nam đồng</i>	90.207.434.579	101.777.962.895
+ <i>Bảng Đô la Mỹ</i>	-	-
Các khoản vay khác	48.326.147.729	12.009.326.192
Cộng	138.533.582.308	113.787.289.087

- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô gồm các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 36032.2010/HỆTDHM ngày 08 tháng 06 năm 2010 với thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2010. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn này là 112 tỷ và theo Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 24 tháng 08 năm 2010 thì hạn mức tăng lên là 123,2 tỷ. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36032.2011/HỆTDHM ngày 18 tháng 05 năm 2011 với hạn mức dư nợ tối đa là 117 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Khoản vay ngắn hạn khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân khác. Công ty sử dụng quyền đòi nợ từ hợp đồng thi công công trình số 12/2010/VH ngày 10 tháng 05 năm 2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic để thế chấp cho các khoản vay các tổ chức (hợp đồng thế chấp số 13.10.062.642224). Các khoản vay cá nhân khác không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 1% đến 1,5%/tháng trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không cố định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.994.942.824	4.421.056.878
Thuế xuất, nhập khẩu	2.328.254.578	301.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.363.173.346	6.158.192.302
Thuế thu nhập cá nhân	258.953.634	59.657.502
Cộng	10.945.324.382	10.639.208.207

15. Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	1.072.570.625	1.205.136.625
Trích trước chi phí khuyến mại	604.545.455	
Cộng	1.677.116.080	1.205.136.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	588.191.977	451.372.711
Bảo hiểm xã hội	386.195.554	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.907.273.017	67.050.158.901
Phải trả phải nộp khác:	43.969.455.704	45.468.824.217
+ Phải trả các Đơn vị xây dựng công trình	40.174.093.060	43.030.648.298
+ Các khoản phải trả khác	3.795.362.644	2.438.175.919
Cộng	50.851.116.252	112.970.355.829

17. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	2.853.855.800	1.460.870.900
Cộng	2.853.855.800	1.460.870.900

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 07.36032.01/HĐTDTH ngày 06 tháng 03 năm 2007 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư văn phòng Công ty tại Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội. Công ty sử dụng giá trị quyền sử dụng diện tích 523m² thuê trong 50 năm tại tầng 3 Tòa nhà HH2 - phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 506.077.400 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.36032.09/HĐTDTH ngày 28 tháng 12 năm 2009 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu cầu thép SCM C6018. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 470.793.500 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01.36032/2011/HĐTDTH ngày 27 tháng 04 năm 2011 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu Cầu rút bê tông. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 1.876.984.900 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	30.000.000.000	10.287.502.500	-	-	1.960.553.777	1.268.260.184	6.943.373.520	50.459.689.981
Phát hành cổ phiếu (*)	70.000.000.000	26.947.363.000	-	(1.554.267.370)	-	-	-	95.393.095.630
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	24.180.203.813	24.180.203.813
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.498.243.500)	(4.498.243.500)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	1.573.493.594	-	424	1.573.493.594	(4.915.997.802)	(1.769.010.190)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	(39.400.000)	-	0	(39.400.000)
Chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(239.477.000)	(239.477.000)
Tại ngày 01/01/2011	100.000.000.000	37.234.865.500	1.573.493.594	(1.554.267.370)	1.921.154.201	2.841.753.778	21.469.859.031	163.486.858.734
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(634.267.370)	-	1.554.267.370	-	-	-	920.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.840.260.506	3.840.260.506
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.920.000.000)	(7.920.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(1.665.965.091)	(1.665.965.091)
Chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(368.023.000)	(368.023.000)
Tại ngày 30/06/2011	100.000.000.000	36.600.598.130	1.573.493.594	-	1.921.154.201	2.841.753.778	15.356.131.446	158.293.131.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Theo nghị quyết số 01.NQ/2011/PH-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền là 1.665.965.091 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ 8% lợi nhuận sau thuế năm 2010 (tương ứng 7.920.000.000 đồng) bằng tiền mặt.

b. Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.940.000	9.940.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	100.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.940.000	9.840.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc năm 2003 Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	258.619.021.847	222.978.096.707
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.663.259.461	19.044.059.842
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	28.638.974.007	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	295.921.255.315	242.022.156.549

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	246.318.163.848	214.195.289.608
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ khác	7.282.422.223	17.075.598.771
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	22.539.581.861	-
Cộng	276.140.167.932	231.270.888.379

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.018.359.893	508.269.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	532.500.000	-
Cộng	1.550.859.893	508.269.094

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.250.461.793	871.007.852
Chi phí tài chính khác	68.418.067	271.725.725
Cộng	7.318.879.860	1.142.733.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thu phí sử dụng thương hiệu	-	500.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	70.258.606	-
Thu từ cho thuê thiết bị	550.413.395	1.066.639.046
Thu nhập từ bán vật liệu xây lắp cho các công ty con	836.812.334	1.542.481.911
Thu nhập từ xuất chi phí khác cho Công ty con	958.821.343	64.068.488.834
Thu nhập từ thanh lý thiết bị cho Công ty con	287.307.294	8.330.889.700
Thu nhập khác	589.728.832	371.599.673
Cộng	3.293.341.804	75.880.099.164

6. Chi phí khác

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	9.126.633	-
Chi phí cho thuê thiết bị	411.383.683	684.130.624
Giá vốn từ bán vật liệu xây lắp cho các Công ty con	836.812.334	1.492.431.062
Thanh lý thiết bị cho các Công ty con	261.125.476	7.057.792.799
Xuất trả chi phí cho các Công ty con	959.701.343	64.068.488.834
Chi phí khác	528.323.117	65.932.305
Cộng	3.006.472.586	73.368.775.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/06/2011			Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010		
	Hoạt động chính VND	Lợi nhuận từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở VND		Hoạt động chính VND	Lợi nhuận từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở VND	
		Cộng VND			Cộng VND	
Lợi nhuận trước thuế	949.335.844	4.086.678.164	5.036.014.008	6.897.647.639	-	6.897.647.639
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(253.000.000)	-	(253.000.000)	7.651.238	-	7.651.238
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	532.500.000	-	532.500.000	-	-	-
+ Cổ tức đã nhận trong kỳ	532.500.000	-	532.500.000	-	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	279.500.000	-	279.500.000	7.651.238	-	7.651.238
+ Tiền phạt nộp chậm thuế	-	-	-	-	-	-
+ Thù lao cho thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành Công ty	279.500.000	-	279.500.000	-	-	-
+ Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	-	-	-	7.651.238	-	7.651.238
Thu nhập chịu thuế	696.335.844	4.086.678.164	4.783.014.008	6.905.298.877	-	6.905.298.877
Thuế suất hiện hành	25%	25%	25%	25%	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.083.961	1.021.669.541	1.195.753.502	1.726.324.719	-	1.726.324.719
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	174.083.961	1.021.669.541	1.195.753.502	1.726.324.719	-	1.726.324.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.840.260.506	5.171.322.920
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ	9.900.000	3.000.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối kỳ	10.000.000	7.492.986
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.900.546	3.024.961
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	388	1.710

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu	949.769.284	2.113.897.097
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	344.895.455	912.838.679
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	604.873.829	1.201.058.418
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	449.455.764
Thu nhập khác	2.082.940.971	64.585.400.258
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	1.096.996.599	44.302.811.762
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	981.964.372	20.282.588.496
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	3.980.000	8.320.074.043
Lãi phải thu	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	-	-
Chi phí phải trả	105.087.473.383	69.136.033.652
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	63.106.331.711	33.892.149.249
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	36.977.570.455	35.243.884.403
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	5.003.571.217	3.984.665.034,00
<i>Số dư với các bên liên quan:</i>	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu	1.024.738.628	3.255.336.292
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	1.024.738.628	3.255.336.292
Các khoản phải trả	32.928.479.588	43.753.858.361
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	25.450.036.505	36.492.359.976
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	7.478.443.083	7.261.498.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong 6 tháng đầu năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày	Từ ngày
			1/1/2011 đến ngày 30/6/2011	1/1/2010 đến ngày 30/6/2010
			VND	VND
Hội đồng quản trị			634.000.000	60.000.000
Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	156.000.000	12.000.000
Cao Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	12.000.000
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	81.000.000	12.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	121.000.000	12.000.000
Lưu Văn Lạc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	66.000.000	12.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	15.000.000	-
Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	15.000.000	-
Ban kiểm soát			174.500.000	39.795.421
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	Thù lao BKS	119.500.000	33.795.421
Tào Minh Dương	BKS	Thù lao BKS	6.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Thủy	BKS	Thù lao BKS	6.000.000	-
Nguyễn Văn Duy	BKS	Thù lao BKS	21.500.000	3.000.000
Nguyễn Lan Hương	BKS	Thù lao BKS	21.500.000	3.000.000
Ban Giám đốc			713.200.000	455.287.166
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	Tiền lương	254.400.000	139.039.333
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	129.000.000	91.656.000
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	137.200.000	88.007.833
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	63.600.000	44.928.000
Trần Hồng Phúc	Giám đốc Tài chính	Tiền lương	129.000.000	91.656.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 01/NQ/PH-HĐQT ngày 28 tháng 04 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc trả một phần cổ tức năm 2010 là 10%/cổ phiếu. Ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10% vào ngày 13 tháng 7 năm 2011. Thời gian chốt danh sách các cổ đông để chi trả cổ tức là ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.

Cao Tùng Lâm

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Ngô Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng